



Flashcardo.com

Ми сподіваємося, що ці картки для друку будуть для вас корисними. Щоб знайти ще більше карток, перейдіть на наш сайт www.flashcardo.com/uk. На Flashcardo.com ми надаємо онлайн-картки, картки з повторенням із інтервалами, відео-картки та багато іншого. Усе безкоштовно та готове до використання учнями з усього світу.

Авторське право, ліцензійні примітки

Цей PDF захищений законом про авторське право, і всі права застережені. Ви можете вільно ділитися цим PDF з будь-ким. Однак вам не дозволяється продавати цей PDF або його вміст. Якщо у вас є запитання, будь ласка, перейдіть на www.flashcardo.com/uk, щоб зв'язатися з нами. Дякуємо!

Відмова від відповідальності

ЦЕЙ PDF НАДАЄТЬСЯ «ЯК Є», БЕЗ ЖОДНИХ ГАРАНТІЙ БУДЬ-ЯКОГО ВИДУ, ЯВНИХ ЧИ НЕЯВНИХ, ВКЛЮЧАЮЧИ, АЛЕ НЕ ОБМЕЖУЮЧИСЬ ГАРАНТІЯМИ КОМЕРЦІЙНОЇ ЦІННОСТІ, ПРИДАТНОСТІ ДЛЯ ПЕВНОЇ МЕТИ ТА ВІДСУТНОСТІ ПОРУШЕНЬ. У ЖОДНОМУ ВИПАДКУ АВТОРИ АБО ВЛАСНИКИ АВТОРСЬКИХ ПРАВ НЕ НЕСУТЬ ВІДПОВІДАЛЬНОСТІ ЗА БУДЬ-ЯКІ ПОЗОВИ, ЗБИТКИ АБО ІНШУ ВІДПОВІДАЛЬНІСТЬ, ЧИ ТО В РЕЗУЛЬТАТІ ДОГОВОРУ, ДЕЛІКТУ ЧИ ІНШИХ ПІДСТАВ, ЩО ВИНИКЛИ З PDF, ЙОГО ВИКОРИСТАННЯ АБО ІНШИХ ДІЙ ІЗ НИМ.

Авторське право © 2025 Flashcardo.com. Усі права захищені

ОСНОВИ

tôi

Я

bạn
đại từ

ТИ

anh ấy

ВІН

cô ấy

ВОНА

nó

ВОНО

chúng tôi / chúng ta

МИ

các bạn

ВИ

họ

ВОНИ

cái gì

ЩО

ai

ХТО

ở đâu

ДЕ

tại sao

ЧОМУ

làm sao

як

cái nào

який

lúc nào

коли

sau đó

тоді

nếu

якщо

thật sự

дійсно

nhưng

але

bởi vì

тому що

không

не

này

цей

đó
vật

той

tất cả

всі

hoặc

або

và

і

đây

тут

đó
địa điểm

там

trái

лівий

phải

правий

bây giờ

зараз

buổi chiều

після обіду

buổi sáng
9:00-11:00

ранок

ban đêm

ніч

buổi sáng
6:00-9:00

ранок

buổi tối

вечір

buổi trưa

nửa đêm

giờ

полудень

північ

година

phút

giây

ngày

хвилина

секунда

день

tuần

tháng

năm

тиждень

місяць

рік

hôm qua

hôm nay

ngày mai

вчора

сьогодні

завтра

thứ hai
ngày

понеділок

thứ ba
ngày

вівторок

thứ tư
ngày

середа

thứ năm

четвер

thứ sáu

п'ятниця

thứ bảy

субота

chủ nhật

неділя

đàn bà

жінка

đàn ông

чоловік

tình yêu

кохання

bạn trai

хлопець

bạn gái

дівчина

bạn
danh từ

друг

hôn
danh từ

поцілунок

tình dục

секс

trẻ em

дитина

con gái
đại cương

дівчина

con trai
đại cương

хлопчик

mẹ

мама

ba

тато

má
mẹ

мати

cha

батько

cha mẹ

батьки

con trai
gia đình

син

con gái
gia đình

дочка

em gái

молодша сестра

em trai

молодший брат

chị gái

старша сестра

anh trai

старший брат

chồng

чоловік

vợ

дружина

mỗi / mọi

кожний

luôn luôn

завжди

thực ra

насправді

lần nữa

знову

đã

вже

ít hơn

менше

phần lớn

найбільше

nhiều hơn

більше

không có

жоден

rất

дуже

ở ngoài

зовні

ở trong

всередині

xa

далекий

gần

близький

bên dưới

під

bên trên

над

bên cạnh

поруч

phía trước

передній

phía sau

задній

mọi người

кожен

cùng nhau

разом

khác

інший

mùa xuân

весна

mùa hè

літо

mùa thu

осінь

mùa đông

зима

tháng một

січень

tháng hai

лютий

tháng ba

березень

tháng tư

квітень

tháng năm

травень

tháng sáu

червень

tháng bảy

липень

tháng tám

серпень

tháng chín

вересень

tháng mười

жовтень

tháng mười một

листопад

tháng mười hai

грудень

bắc

північ

đông

схід

nam

південь

tây

thường xuyên

ngay lập tức

захід

часто

негайно

đột ngột

mặc dù

раптом

хоча

Числа

không

0

một

1

hai

2

ba

3

bốn

4

năm

5

sáu

6

bảy

7

tám

8

chín

9

mười

10

mười một

11

mười hai

12

mười ba

13

mười bốn

14

mười năm

15

mười sáu

16

mười bảy

17

mười tám

18

mười chín

19

hai mươi

20

hai mươi mốt

21

hai mươi hai

22

hai mươi sáu

26

ba mươi

30

ba mươi mốt

31

ba mươi ba

33

ba mươi bảy

37

bốn mươi

40

bốn mươi mốt

41

bốn mươi bốn

44

bốn mươi tám

48

năm mươi

50

năm mươi mốt

51

năm mươi lăm

55

năm mươi chín

59

sáu mươi

60

sáu mươi mốt

61

sáu mươi hai

62

sáu mươi sáu

66

bảy mươi

70

bảy mươi mốt

71

bảy mươi ba

73

bảy mươi bảy

77

tám mươi

80

tám mươi mốt

81

tám mươi bốn

84

tám mươi tám

88

chín mươi

90

chín mươi mốt

91

chín mươi lăm

95

chín mươi chín

99

một trăm

100

một trăm linh một

101

một trăm linh năm

105

một trăm mười

110

một trăm năm mươi mốt

151

hai trăm

200

hai trăm linh hai

202

hai trăm linh sáu

206

hai trăm hai mươi

220

hai trăm sáu mươi hai

262

ba trăm

300

ba trăm linh ba

303

ba trăm linh bảy

307

ba trăm ba mươi

330

ba trăm bảy mươi ba

373

bốn trăm

400

bốn trăm linh bốn

404

bốn trăm linh tám

408

bốn trăm bốn mươi

440

bốn trăm tám mươi bốn

484

năm trăm

500

năm trăm linh năm

505

năm trăm linh chín

509

năm trăm năm mươi

550

năm trăm chín mươi lăm

595

sáu trăm

600

sáu trăm linh một

601

sáu trăm linh sáu

606

sáu trăm mười sáu

616

sáu trăm sáu mươi

660

bảy trăm

700

bảy trăm linh hai

702

bảy trăm linh bảy

707

bảy trăm hai mươi bảy

727

bảy trăm bảy mươi

770

tám trăm

800

tám trăm linh ba

803

tám trăm linh tám

808

tám trăm ba mươi tám

838

tám trăm tám mươi

880

chín trăm

900

chín trăm linh bốn

904

chín trăm linh chín

909

chín trăm bốn mươi chín

949

chín trăm chín mươi

990

một nghìn

1000

một nghìn không trăm linh
một

1001

một nghìn không trăm mười
hai

1012

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

1234

hai nghìn

2000

hai nghìn không trăm linh hai

2002

hai nghìn không trăm hai
mười ba

2023

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

2345

ba nghìn

3000

ba nghìn không trăm linh ba

3003

bốn nghìn

4000

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

4045

năm nghìn

5000

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

5678

sáu nghìn

6000

bảy nghìn

7000

bảy nghìn tám trăm chín
mười

7890

tám nghìn

8000

tám nghìn chín trăm linh một

8901

chín nghìn

9000

chín nghìn không trăm chín
mười

9090

mười nghìn

10.000

mười nghìn không trăm linh
một

10.001

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

20.020

ba mươi nghìn ba trăm

30.300

bốn mươi bốn nghìn

44.000

một trăm nghìn

100.000

năm trăm nghìn

500.000

một triệu

1.000.000

sáu triệu

6.000.000

mười triệu

10.000.000

bảy mươi triệu

70.000.000

một trăm triệu

100.000.000

tám trăm triệu

800.000.000

một tỷ

1.000.000.000

chín tỷ

9.000.000.000

mười tỷ

10.000.000.000

hai mươi tỷ

20.000.000.000

một trăm tỷ

100.000.000.000

ba trăm tỷ

300.000.000.000

một nghìn tỷ

1.000.000.000.000

Дієслова

biết

знати

nghĩ

думати

đến

приходити

đặt

класти

lấy

брати

tìm

знаходити

nghe

слухати

làm việc

працювати

nói chuyện

розмовляти

cho

давати

thích

любити

giúp đỡ

допомагати

yêu

кохати

gọi

телефонувати

chờ đợi

чекати

đứng

стояти

ngồi

сидіти

đóng

закривати

mở
cửa

відкривати

thua

програвати

thắng

вигравати

chết

вмирати

sống
động từ

жити

bật

вмикати

tắt

вимикати

giết

вбивати

làm bị thương

травмувати

chạm

доторкатися

xem

дивитися

uống

пити

ăn

їсти

đi bộ

ходити

gặp

зустріти

đặt cược

битися об заклад

hôn
động từ

поцілувати

đi theo

слідувати

cưới

одружуватись

trả lời

відповідати

hỏi

запитувати

kéo

тягнути

đẩy

штовхати

ấn

натискати

đánh

бити

bắt

ловити

chiến đấu

битися

ném

кидати

chạy
động từ

бігати

đọc

читати

viết

писати

sửa chữa

ремонтувати

đếm

рахувати

cắt

вирізати

bán

продавати

mua

купувати

trả

платити

học

вчитися

mơ

мріяти

ngủ

спати

chơi

грати

ăn mừng

святкувати

thưởng thức

насолоджуватися

dọn dẹp

ЧИСТИТИ

bắn

стріляти

bảo vệ

захищати

tấn công

атакувати

trộm

красти

đốt

горіти

cứu

рятувати

bay

літати

khạc nhổ

плювати

đá
động từ

бити

cắn

кусати

thở

дихати

ngửi

нюхати

khóc

плакати

hát

співати

cười mỉm

посміхатися

cười

сміятися

lớn lên

рости

co lại

морщитися

tranh luận

сперечатися

chia sẻ

ділитися

cho ăn

годувати

trốn

ховати

cảnh báo

попереджувати

bơi

плавати

nhảy

стрибати

nâng

піднімати

đào

копати

giao hàng

доставляти

tìm kiếm

шукати

luyện tập

практикуватися

đi du lịch

подорожувати

vẽ

малювати

mở
khóa

відчиняти

khóa

замикати

rửa

мити

cầu nguyện

молитися

nấu ăn

готувати

nôn

блювати

la hét

кричати

trích dẫn

цитувати

in

друкувати

tính toán

розраховувати

kiếm tiền

заробляти

Прикметники

mới

новий

cũ

старий

ít

мало

nhiều

багато

sai

неправильний

chính xác

правильний

xấu

поганий

tốt

хороший

hạnh phúc

щасливий

ngắn

короткий

dài

довгий

nhỏ

маленький

lớn
to

великий

xinh đẹp

прекрасний

trẻ

молодий

già

старий

màu trắng

білий

màu đen

чорний

màu đỏ

червоний

màu xanh da trời

синій

màu xanh lá cây

зелений

màu vàng

жовтий

chậm

повільний

nhanh

швидкий

vui vẻ

кумедний

không công bằng

несправедливый

công bằng

справедливый

khó

важкий

dễ

легкий

giàu

багатий

nghèo

бідний

khỏe

сильний

yếu

слабкий

an toàn

безпечний

mệt mỏi

втомлений

tự hào

гордий

no bụng

ситий

bệnh

хворий

khỏe mạnh

здоровий

tức giận

сердитий

thấp
đại cương

низкий

cao
đại cương

високий

ngọt

солодкий

chua

кислий

mềm

м'який

cứng

твердый

đáng yêu

милий

ngu ngốc

тупий

điên hùng

божевільний

bận rộn

зайнятий

cao
người

високий

thấp
người

низкий

lo lắng

стурбований

ngạc nhiên

здивований

cư xử tốt

гrecний

ác độc

злий

khéo léo

розумний

lạnh

холодный

nóng

спекотный

màu cam

помаранчевий

màu xám

сірий

màu nâu

коричневий

màu hồng

рожевий

nhàm chán

нудний

nặng

важкий

nhẹ

легкий

cô đơn

самотній

đói bụng

голодний

khát nước

спраглий

buồn

сумний

dốc

крутий

bằng phẳng

плоский

hẹp

вузький

rộng

широкий

sâu

глибокий

nông

мілький

lớn
rất

величезний

bẩn

брудний

sạch sẽ

чистий

đầy

повний

trống rỗng

порожній

đắt

коштовний

rẻ

дешевий

quyến rũ

сексуальний

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

лінивий

сміливий

щедрий

ướt

khô

ồn ào

мокрый

сухий

гучний

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

тихий

сонячний

дощовий

sương mù
tính từ

nhiều mây

туманный

хмарний

Спорт

thể dục dụng cụ

гімнастика

quần vợt

теніс

chạy
danh từ

біг

đạp xe

велоспорт

đánh golf

гольф

bóng đá

футбол

bóng rổ

баскетбол

bơi lội

плавання

lặn

дайвінг

đi bộ đường dài

пішохідний туризм

chạy marathon

марафон

ba môn phối hợp

триатлон

bóng bàn

настільний теніс

cử tạ

важка атлетика

quyền anh

бокс

cầu lông

бадмінтон

trượt băng nghệ thuật

фігурне катання

trượt ván tuyết

сноубординг

trượt tuyết

лижний спорт

trượt tuyết băng đồng

лижні перегони

khúc côn cầu trên băng

хокей

bóng chuyền

волейбол

bóng ném

гандбол

bóng chuyền bãi biển

пляжний волейбол

bóng rugby

регбі

bóng gậy

крикет

bóng chày

бейсбол

bóng bầu dục Mỹ

американський футбол

bóng nước

водне поло

nhảy cầu

стрибки у воду

lướt sóng

серфінг

đua thuyền buồm

вітрильний спорт

chèo thuyền

веслування

yoga

йога

khiêu vũ

танці

nhảy dù

скайдайвінг

cờ vua

đánh bài poker

bowling

шахи

покер

боулінг

múa ba lê

балет

Тварини

con lợn

свиня

con bò

корова

con ngựa

кінь

con chó

собака

con cừu

вівця

con khỉ

мавпа

con mèo

кішка

con gấu

ведмідь

con gà

курка

con vịt

качка

con bướm

метелик

con ong

бджола

con cá

риба

con nhện

павук

con rắn

змія

con hổ

тигр

con chuột

миша

con thỏ

кролик

con sư tử

лев

con lừa

віслук

con voi

слон

con chim bồ câu

голуб

con bọ

жук

con muỗi

комар

con ruồi

муха

con kiến

мураха

con cá voi

кит

con cá mập

акула

con cá heo

дельфин

con ốc sên

равлик

con ếch

жаба

con gấu trúc

панда

con gấu Bắc cực

білий ведмідь

con chó sói

вовк

con gấu túi

коала

con chuột túi

кенгуру

con hươu cao cổ

жирафа

con cáo

лисиця

con hà mã

бегемот

con dơi

кажан

con quạ

крук

con thiên nga

лебідь

con chim hải âu

чайка

con cú

сова

con chim cánh cụt

пінгвін

con vẹt

папуга

con sâu bướm

гусениця

con chuồn chuồn

бабка

con mực ống

кальмар

con bạch tuộc

восьминіг

con cá ngựa

морський коник

con hải cẩu

тюлень

con sứa

медуза

con cua

краб

con khủng long

динозавр

con rùa cạn

черепаха

con cá sấu

крокодил

Країни

Châu Âu

Європа

Châu Á

Азія

Châu Mỹ

Америка

Châu Phi

Африка

Vương quốc Anh

Велика Британія

Tây Ban Nha

Іспанія

Thụy sĩ

Швейцарія

Ý

Італія

Pháp

Франція

Đức

Німеччина

Thái Lan

Таїланд

Singapore

Сінгапур

Nga

Nhật Bản

Israel

Росія

Японія

Ізраїль

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Індія

Китай

Сполучені Штати Америки

Mexico

Canada

Chile

Мексика

Канада

Чилі

Brazil

Argentina

Nam Phi

Бразилія

Аргентина

Південно-Африканська Республіка

Nigeria

Нігерія

Ma Rốc

Марокко

Libya

Лівія

Kenya

Кенія

Algeria

Алжир

Ai Cập

Єгипет

New Zealand

Нова Зеландія

Úc

Австралія

Тіло

đầu

голова

mũi

ніс

tóc

волосся

miệng

рот

tai

вухо

mắt

око

bàn tay

рука

bàn chân

ступня

tim

серце

não

мозок

cổ

шия

mông

зад

vai

плече

đầu gối

коліно

chân

нога

tay

рука

bụng

живіт

ngực

груди

lưng

спина

răng

зуб

lưỡi

язык

môi

губа

ngón tay

палець

ngón chân

палець ноги

dạ dày

шлунок

phổi

легені

gan

печінка

dây thần kinh

нерв

thận

нирка

ruột

кишечник

trán

лоб

cằm

підборіддя

má
cơ thể

щока

râu

борода

ngón cái

великий палець

ngón tay út

мізинець

ngón tay đeo nhẫn

безіменний палець

ngón tay giữa

середній палець

ngón tay trỏ

вказівний палець

móng tay

ніготь

gót chân

п'ята

xương sống

хребет

cơ bắp

м'яз

xương
cơ thể

кістка

bộ xương

скелет

xương sườn

ребро

đốt sống

хребець

bàng quang

сечовий міхур

tĩnh mạch

вена

động mạch

артерія

âm đạo

вагіна

tinh trùng

сперма

dương vật

пеніс

tinh hoàn

яєчко

Будинок

cửa

двері

nhà bếp

кухня

phòng tắm

ванна кімната

phòng khách

вітальня

phòng ngủ

спальня

vườn

сад

gara

гараж

tường

стіна

tầng hầm

підвал

nhà vệ sinh
nhà ở

туалет

cầu thang

сходи

mái nhà

дах

cửa sổ
tòa nhà

Вікно

dao

ніж

tách

чашка

ly

склянка

đĩa

тарілка

cốc

чашка

thùng rác

сміттєвий бак

tô

миска

bàn
văn phòng

письмовий стіл

giường

ліжко

gương

дзеркало

vòi hoa sen

душ

ghế sofa

диван

ảnh

картина

đồng hồ

годинник

bàn
nhà

стіл

ghế
nhà

стілець

hàng xóm

сусід

thang máy

ліфт

ban công

балкон

gác xép

горище

ống khói

димар

muỗng gỗ

дерев'яна ложка

đũa

палички для їжі

bộ dao nĩa

столові прилади

muỗng

ложка

nĩa

виделка

cái vá

черпак

nồi

горщик

chảo

кастрюля

bóng đèn

лампочка

giá sách

книжкова полиця

rèm

занавіска

nệm

матрац

gối

подушка

chăn

ковдра

kệ

полиця

ngăn kéo

шухляда

tủ quần áo

шафа

xô

відро

chổi

віник

cái cân

ваги

giỏ đựng đồ giặt

кошик для білизни

bồn tắm

ванна

khăn tắm
to lớn

банний рушник

xà phòng

мило

giấy vệ sinh

туалетний папір

khăn tắm
nhỏ bé

рушник

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

умивальник

драбина

поштова скринька

hàng rào

паркан

Їжа

trứng

яйце

phô mai

сир

sữa

молоко

cá

риба

thịt

м'ясо

xương
món ăn

кістка

dầu

олія

bánh mì

хліб

đường
món ăn

цукор

sô cô la

шоколад

kẹo

цукерка

bánh bông lan

торт

nước

cà phê

trà

вода

кава

чай

bia

rượu nho

sa lát

пиво

вино

салат

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

суп

десерт

сніданок

bữa trưa

bữa tối

pizza

ланч

вечеря

піца

kem

морозиво

bơ

масло

sữa chua

йогурт

cá ngừ

тунець

cá hồi

лосось

giăm bông

шинка

thịt ba rọi

бекон

xúc xích

ковбаса

thịt gà tây

індичатина

thịt gà

курятина

thịt bò

яловичина

thịt heo

свинина

thịt cừu

баранина

bí ngô

гарбуз

nấm

гриб

nấm sục

трюфель

tỏi

чеснок

tỏi tây

цибуля

gừng

імбир

cà tím

баклажан

khoai lang

батат

cà rốt

морква

dưa chuột

огірок

ớt

перець чілі

ớt chuông

перець

củ hành

цибуля городня

khoai tây

картопля

bông cải trắng

цвітна капуста

bắp cải

капуста

bông cải xanh

броколі

xà lách

салат

rau chân vịt

шпинат

tre

бамбук

ngô

кукурудза

cần tây

селера

đậu Hà Lan

горох

hạt đậu

бiб

quả lê

груша

quả táo

яблуко

quả ô liu

маслина

quả sung

iнжир

quả chà là

фiнiк

quả dừa

кокос

quả hạnh nhân

мигдаль

hạt phỉ

фундук

đậu phộng

арахiс

quả chuối

банан

quả xoài

манго

quả kiwi

кiвi

quả bơ

авокадо

quả dứa

ананас

dưa hấu

кавун

quả nho

виноград

dưa gang

цукрова диня

quả mâm xôi

малина

quả việt quất

чорниця

quả dâu tây

полуниця

quả anh đào

вишня

quả mận

слива

quả mơ

абрикос

quả đào

персик

quả chanh

лимон

quả bưởi

грейпфрут

quả cam

апельсин

cà chua

помідор

bạc hà

м'ята

sả

цимбопгон

quế

кориця

vani

ваніль

muối

сіль

tiêu

чорний перець

cà ri

карі

thuốc lá
thực vật

ТЮТЮН

đậu hũ

тофу

giấm

оцет

mì sợi

локшина

sữa đậu nành

соєве молоко

bột mì

борошно

gạo

рис

yến mạch

овес

lúa mì

пшениця

đậu nành

соя

hạt

горіх

mật ong

мед

mút

варення

kẹo cao su

жувальна гумка

bánh kếp

млинець

bánh quy

печиво

bánh pudding

пудинг

bánh muffin

кекс

bánh rán vòng

пончик

nước tăng lực

енергетичний напій

nước cam

апельсиновий сік

nước táo

яблучний сік

sữa lắc

молочний коктейль

coca cola

кока-кола

sô cô la nóng

гарячий шоколад

rượu cocktail

коктейль

rượu rum

ром

rượu whisky

віскі

rượu vodka

горілка

thực đơn

меню

hải sản

морепродукти

mì Ý

спагетті

sushi

суші

bắp rang bơ

попкорн

khoai tây lát mỏng

чіпси

cánh gà

курячі крильця

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

картопля фри

гірчиця

майонез

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

кетчуп

сандвіч

хот-дог

bánh burger

бургер

Школа

sách

книга

thư viện

бібліотека

bài tập về nhà

домашнє завдання

bài thi

екзамен

bài học

урок

khoa học

природничі науки

lịch sử

історія

nghệ thuật

мистецтво

cây bút

ручка

bút chì

олівець

thứ nhất

перший

thứ hai

2

другий

thứ ba
3

третій

thứ tư
4

четвертий

ngiên cứu

дослідження

bằng cấp

ступінь

sân thể thao

спортивний майданчик

từ điển

словник

học kì

семестр

sổ tay

зошит

hình học

геометрія

chính trị học

політика

triết học

філософія

kinh tế học

економіка

giáo dục thể chất

фізична культура

sinh học

біологія

toán học

математика

địa lý

географія

văn học

література

hóa học

хімія

vật lý

фізика

cái thước

лінійка

cục tẩy

гумка

cái kéo

ножиці

băng dính

скотч

keo dán

клей

bút bi

кулькова ручка

kẹp giấy

скріпка для паперу

ba phần trăm

3%

một trăm phần trăm

100%

không phần trăm

0%

mét khối

кубічний метр

mét vuông

квадратний метр

dặm

миля

mét

метр

mi-li-mét

міліметр

xen-ti-mét

сантиметр

đề-xi-mét

дециметр

phép cộng

додавання

phép trừ

віднімання

phép nhân

множення

phép chia

ділення

diện tích

площа

thể tích

об'єм

hình chữ nhật

прямокутник

hình vuông

квадрат

tam giác

трикутник

hình tròn

коло

lít

літр

mililit

мілілітр

tấn

kilôgam

gram

тонна

кілограм

грам

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

магніт

мікроскоп

воронка

phòng thí nghiệm

bài giảng

лабораторія

лекція

Природа

tro

попіл

lửa

вогонь

kim cương

алмаз

mặt trăng

Місяць

mặt trời

сонце

ngôi sao

зірка

hành tinh

планета

bờ biển
биển

узбережжя

hồ

озеро

rừng

ліс

sa mạc

пустеля

đồi núi

пагорб

đá
danh từ

камінь

con sông

річка

thung lũng

долина

núi

гора

đảo

острів

đại dương

океан

biển

море

băng

лід

tuyết

сніг

bão táp

шторм

mưa

дощ

gió

вітер

cây

дерево

cỏ

трава

hoa hồng

троянда

hoa

квітка

kim loại

метал

đất

грунт

dung nham

лава

than

вугілля

cát

пісок

đất sét

глина

tên lửa

ракета

vệ tinh

супутник

thiên hà

галактика

tiểu hành tinh

астероїд

lục địa

континент

đường Xích đạo

екватор

Nam cực

Південний полюс

Bắc cực

Північний полюс

suối

струмок

rừng nhiệt đới

тропічний ліс

hang

печера

thác nước

водоспад

bờ biển
con sông

берег

sông băng

льодовик

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

землетрус

кратер

вулкан

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

атмосфера

повінь

туман

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

веселка

грім

блискавка

cơn dông

nhệt độ

bão nhiệt đới

гроза

температура

тайфун

bão

mây

cành cây

ураган

хмара

гілка

lá cây

rễ cây

thân cây

листок

корінь

стовбур

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

насіння

пластик

вуглекислий газ

nguyên tử

sắt

ôxy

атом

залізо

кисень

vàng

золото

bạc

срібло

Транспорт

xe hơi

автомобіль

xe buýt

автобус

xe lửa

поїзд

ga xe lửa

залізнична станція

trạm dừng xe buýt

автобусна зупинка

máy bay

літак

tàu

корабель

xe tải

вантажівка

xe đạp

велосипед

xe mô tô

мотоцикл

xe taxi

таксі

đèn giao thông

світлофор

bãi đậu xe

парковка

đường
xe hơi

дорога

ắc quy

аккумулятор

động cơ
xe hơi

двигун

túi khí

подушка безпеки

vô-lăng

кермо

dây an toàn

ремінь безпеки

lốp xe

шина

cốp sau

багажник

máy bán vé

квитковий автомат

phòng bán vé

каса

tàu điện ngầm

метро

tàu cao tốc

швидкісний поїзд

đầu máy

локомотив

xe điện

трамвай

xe buýt trường học

шкільний автобус

xe buýt nhỏ

мікроавтобус

sân bay

аеропорт

hãng hàng không

авіакомпанія

máy bay trực thăng

гелікоптер

hạng nhất

перший клас

hạng phổ thông

економ-клас

hạng thương gia

бізнес-клас

áo phao

рятувальний жилет

công ten nơ

контейнер

tàu ngầm

підводний човен

tàu du lịch

круїзний лайнер

tàu chở hàng

контейнеровоз

du thuyền

яхта

phà

паром

hải cảng

порт

xuồng cứu sinh

рятувальна шлюпка

ra đa

радар

đèn đường

вуличне освітлення

vỉa hè

тротуар

trạm xăng

заправка

công trường

будівельний майданчик

vạch qua đường

пішохідний перехід

tắc đường

затор

đường cao tốc

автомагістраль

xe tăng

танк

máy xúc

екскаватор

máy kéo

трактор

rơ-moóc

причіп

xe tay ga

моторолер

xe cáp treo

канатна дорога

Місто

bệnh viện

trường học

nhà ở

лікарня

школа

будинок

hóa đơn

chợ

siêu thị

рахунок

ринок

супермаркет

căn hộ

trường đại học

nông trại

квартира

університет

ферма

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

церква

ресторан

бар

phòng thể dục

фітнес-центр

công viên

парк

nhà vệ sinh
đại cương

туалет

bản đồ

карта

xe cứu thương

швидка допомога

cảnh sát
đại cương

поліція

lính cứu hỏa
đại cương

пожежники

quốc gia

країна

ngoại ô

передмістя

ngôi làng

село

bảo hành

гарантія

trung tâm mua sắm

торговий центр

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

аптека

хмарочос

замок

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

посольство

синагога

храм

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

завод

мечеть

мерія

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

пошта

фонтан

нічний клуб

băng ghế

лавка

sân golf

поле для гольфу

sân bóng đá

футбольний стадіон

hồ bơi
tòa nhà

басейн

sân quần vợt

тенісний корт

thông tin du lịch

інформація для туристів

sòng bạc

казино

phòng triển lãm nghệ thuật

художня галерея

bảo tàng

музей

công viên quốc gia

національний парк

quà lưu niệm

сувенір

thủy cung

акваріум

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

водяна гірка

американські гірки

аквапарк

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

зоопарк

дитячий майданчик

аварійний вихід

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

пожежна тривога

вогнегасник

поліцейська діляниця

tiểu bang

khu vực

thủ đô

штат

область

столиця

Лікарня

tai nạn

нещасний випадок

bệnh nhân

пацієнт

phẫu thuật

хірургія

viên thuốc

таблетка

sốt

гарячка

ho

кашель

phòng cấp cứu

пункт швидкої допомоги

khoa hồi sức tích cực

відділення інтенсивної
терапії

phòng chờ

приймальня

thuốc aspirin

аспірин

thuốc ngủ

снودійне

ngày hết hạn

термін придатності

liều lượng

дозування

si-rô ho

сироп від кашлю

tác dụng phụ

побічний ефект

insulin

інсулін

bột

порошок

viên nhộng

капсула

vitamin

вітамін

thuốc giảm đau

знеболювальне

kháng sinh

антибіотики

vi khuẩn

бактерія

vi rút

вірус

đau tim

серцевий напад

tiêu chảy

діарея

tiểu đường

діабет

đột quỵ

інсульт

hen suyễn

астма

ung thư

рак

cúm

грип

đau răng

зубний біль

cháy nắng

сонячний опік

viêm họng

біль у горлі

đau bụng

біль у животі

nhiễm trùng

інфекція

dị ứng

алергія

chuột rút

судома

đau đầu

головний біль

ống tiêm

шприц

nặng

милиця

chụp X quang

рентген

máy siêu âm

ультразвуковий апарат

bó bột
nhỏ bé

пластир

xe lăn

інвалідна коляска

bó bột
gãy xương

гіпсова пов'язка

mạch

пульс

chấn thương

травма

cấp cứu

надзвичайна ситуація

chấn động

vết bỏng

gãy xương

струс мозку

опік

перелом

thuốc tránh thai

thử thai

протизаплідна таблетка

тест на вагітність

Професії

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

доктор

медсестра

поліцейський

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

президент

капітан

детектив

phi công

giáo sư

giáo viên

льотчик

професор

вчитель

luật sư

thư ký

trợ lý

юрист

секретарка

асистент

thẩm phán

судья

quản lý

менеджер

đầu bếp

кухар

tài xế taxi

таксист

tài xế xe buýt

водій автобуса

người mẫu

модель

nghệ sĩ

художник

thủ tướng

прем'єр-міністр

dược sĩ

аптекарь

lính cứu hỏa
người

пожежник

nha sĩ

стоматолог

doanh nhân

підприємець

chính trị gia

політик

lập trình viên

програміст

tiếp viên hàng không

стюардеса

nhà khoa học

вчений

giáo viên mầm non

вихователь дитячого садка

kiến trúc sư

архітектор

kế toán viên

бухгалтер

tư vấn viên

консультант

công tố viên

прокурор

tổng quản lý

генеральний менеджер

vệ sĩ

особистий охоронець

chủ nhà

орендодавець

bồi bàn

офіціант

nhân viên bảo vệ

охоронець

bộ đội

солдат

ngư dân

рибалка

nhân viên vệ sinh

прибиральник

thợ sửa ống nước

сантехнік

thợ điện

електрик

nông dân

фермер

lễ tân

порт'є

người đưa thư

листоноша

thu ngân

касир

thợ làm tóc

перукар

tác giả

автор

nhà báo

журналіст

nhiếp ảnh gia

фотограф

nhân viên cứu hộ

рятувальник

ca sĩ

співак

nhạc sĩ

музикант

diễn viên

актор

phóng viên

репортер

huấn luyện viên

тренер

trọng tài

рефери

Бізнес

tiền

гроші

văn phòng

офіс

áp lực

стрес

bảo hiểm

страхування

nhân viên
công ty

персонал

bộ phận

відділ

lương

зарплата

địa chỉ

адреса

lá thư

лист

số điện thoại

номер телефону

url

URL-адреса

địa chỉ email

електронна адреса

trang mạng

веб-сайт

thư điện tử

електронна пошта

chữ ký

підпис

thua lỗ

збиток

lợi nhuận

прибуток

khách hàng

клієнт

số tiền

сума

thẻ tín dụng

кредитна картка

mật khẩu

пароль

máy rút tiền

банкомат

thuế

податок

phòng họp

конференц-зал

danh thiếp

візитка

công nghệ thông tin

відділ інформаційних технологій

nhân sự

відділ кадрів

bộ phận pháp lý

юридичний відділ

kế toán

бухгалтерія

tiếp thị

маркетинг

bán hàng

продаж

đồng nghiệp

колега

người sử dụng lao động

роботодавець

nhân viên
người

працівник

chú thích

записка

thuyết trình

презентація

bìa cứng

папка з файлами

con dấu cao su

штамп

máy chiếu

проектор

bưu kiện

пакунок

con tem

марка

phong bì

конверт

trình duyệt

браузер

đầu tư

інвестиція

sàn giao dịch chứng khoán

фондова біржа

tiền giấy

банкнота

tiền xu

монета

tiền lãi

відсоток

khoản vay

позика

số tài khoản

номер рахунку

tài khoản ngân hàng

банківський рахунок

Пристрої

điện thoại

телефон

bộ tivi

телевізор

máy ảnh

камера

đài radio

радіо

quạt

вентилятор

máy điều hòa

кондиціонер

máy pha cà phê

кавоварка

máy nướng bánh mì

тостер

máy hút bụi

пилосос

máy sấy tóc

фен

ấm đun nước

чайник

máy rửa chén

посудомийна машина

bếp điện

плита

lò nướng

духовка

lò vi sóng

мікрохвильова піч

tủ lạnh

холодильник

máy giặt

пральна машина

điều khiển từ xa

пульт дистанційного керування

tai nghe

наушник

chuột

миша

bàn phím

клавіатура

ổ cứng

жорсткий диск

thanh USB

флешка

máy quét

сканер

máy in

принтер

màn hình

экран

máy tính xách tay

ноутбук

rô bốt

робот

loa

гучномовець

